

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Bà Phạm Hồng Ân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú, Tân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Đ không chung thủy, có quan hệ bất chính với người khác, từ đó vợ chồng xảy ra cự cãi và vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Bà không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà xin ly hôn ông Trần Văn Đ.

Về con chung: có hai người tên là Trần Thị Ái H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2000 và Trần Nhật L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2003, hai con chung hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi hai người con chung, không yêu cầu ông Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với ông Trần Văn Đ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải và xét xử theo quy định nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Văn Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đối với ông Trần Văn Đ là quan hệ tranh chấp “ly hôn , tranh chấp về nuôi con” nên yêu cầu khởi kiện của bà Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Nh và ông Đ không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Văn Đ.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Nh và ông Đ có hai người con chung tên Trần Thị Ái H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2000 và Trần Nhật L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2003, hiện do bà Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông Đ và ông Đ không có ý kiến về việc bà Nh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung; tại biên bản ghi lời khai ngày 22 tháng 6 năm 2017 hai người con chung có nguyện vọng được chung sống với bà Nh; bà Nh xác định có đầy đủ điều kiện để nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh, giao hai người con chung tên Trần Thị Ái H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2000 và Trần Nhật L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2003 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nh phải chịu 300.000đ, bà Nh đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

\* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Văn Đ.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Trần Thị Ái H (giới tính nữ), sinh ngày 14 tháng 10 năm 2000 và Trần Nhật L (giới tính nữ), sinh ngày 06 tháng 6 năm 2003 cho bà Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006403 ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa  
(Đã ký)

**Nguyễn Việt Triều**